

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
TS. Nguyễn Thị Minh Tâm

GIÁO TRÌNH  
**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

Hà Nội, 2008

## LỜI NÓI ĐẦU

Kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế tài chính đối với mỗi quốc gia. Kế toán có vai trò tích cực trong việc quản lý vốn và tài sản; điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, tài chính; cung cấp một hệ thống thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định kinh tế của các đối tượng ở cả trong và ngoài doanh nghiệp. Như vậy, kế toán có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với hoạt động tài chính Nhà nước, mà còn hết sức cần thiết và quan trọng đối với hoạt động tài chính của bản thân doanh nghiệp.

Nền kinh tế thị trường của Việt Nam đang bước vào thời kỳ hội nhập toàn diện với nền kinh tế thế giới, vấn đề quản trị doanh nghiệp trong cơ chế mới này càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, người quản lý phải biết phối hợp, tổ chức các hoạt động kinh doanh; kiểm soát mọi hoạt động trong doanh nghiệp; phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm chỉ đạo và hướng dẫn doanh nghiệp hoạt động đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Muốn vậy, nhà quản lý cần phải nắm vững tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua số liệu do kế toán tài chính cung cấp; đồng thời phải biết phân tích, đánh giá đề ra các dự án cho tương lai. Kế toán quản trị là môn học trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị doanh nghiệp để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động hàng ngày, đồng thời còn đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.

Kế toán quản trị đã hình thành và phát triển ở các nước tiên tiến từ mấy chục năm nay nhưng nó mới xuất hiện ở Việt Nam vài năm gần đây. Cần phải đưa môn học này vào chương trình giảng dạy chính khóa cho sinh viên các ngành kế toán và quản trị doanh nghiệp, nhằm cung cấp kiến thức một cách toàn diện cho sinh viên các chuyên ngành này.

Giáo trình Kế toán quản trị này được tác giả biên soạn dựa vào các tài liệu tham khảo ở cả trong và ngoài nước. Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng lần đầu xuất bản, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những nhược điểm và thiếu sót cả về nội dung và hình thức. Tác giả rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Chân thành cảm ơn!

Tác giả

TS. Nguyễn Thị Minh Tâm.

# MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| LỜI NÓI ĐẦU.....  | 1  |
| CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ  | 3  |
| 1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và đối tượng của kế toán quản trị .....                                    | 3  |
| 1.1.1. Khái niệm và mục đích kế toán quản trị .....   | 3  |
| 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán quản trị trong doanh nghiệp .....                                       | 4  |
| 1.1.3. Đối tượng của kế toán quản trị .....   | 6  |
| 1.2. Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị.....   | 9  |
| 1.2.1. Kế toán tài chính.....   | 9  |
| 1.2.2. Kế toán quản trị.....  | 10 |
| 1.2.3. So sánh giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.....                                      | 12 |
| 1.3. Bản chất và vai trò của kế toán quản trị .....   | 16 |
| 1.3.1. Bản chất của kế toán quản trị .....  | 16 |
| 1.3.2. Vai trò của kế toán quản trị .....   | 16 |
| 1.4. Các phương pháp nghiệp vụ cơ sở dùng trong kế toán quản trị.....                               | 19 |
| 1.4.1. Thiết kế thông tin thành dạng so sánh được.....  | 19 |
| 1.4.2. Phân loại chi phí.....   | 19 |
| 1.4.3. Trình bày mối quan hệ giữa các thông tin kinh tế dưới dạng phương trình.....                 | 19 |
| 1.4.4. Trình bày thông tin dưới dạng đồ thị.....  | 19 |
| 1.5. Tóm tắt chương .....   | 20 |
| CHƯƠNG 2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ   | 21 |
| 2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động.....  | 21 |
| 2.1.1. Chi phí sản xuất.....  | 21 |
| 2.1.2. Chi phí ngoài sản xuất.....  | 23 |
| 2.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với các khoản mục trên báo cáo tài chính ..... | 24 |
| 2.2.1. Chi phí sản phẩm.....  | 24 |
| 2.2.2. Chi phí thời kỳ.....   | 26 |
| 2.3. Phân loại chi phí sử dụng trong việc lập kế hoạch và kiểm tra .....                            | 26 |
| 2.3.1. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.....  | 26 |
| 2.3.3. Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được.....  | 26 |

|        |   |    |
|--------|---|----|
| 2.4.   | Phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định .....   | 27 |
| 2.4.1. | Chi phí thích hợp .....   | 27 |
| 2.4.2. | Chi phí chênh lệch .....  | 27 |
| 2.4.3. | Chi phí cơ hội.....   | 27 |
| 2.4.4. | Chi phí chìm.....   | 28 |
| 2.5.   | Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.....   | 28 |
| 2.5.1. | Chi phí bất biến.....   | 28 |
| 2.5.2. | Chi phí khả biến.....   | 30 |
| 2.5.3. | Chi phí hỗn hợp.....  | 33 |
| 2.5.4. | Hành động của nhà quản trị đối với cách ứng xử của chi phí.....   | 42 |
| 2.6.   | Báo cáo kết quả kinh doanh.....   | 44 |
| 2.6.1. | Báo cáo kết quả kinh doanh trong kế toán tài chính.....   | 44 |
| 2.6.2. | Báo cáo kết quả kinh doanh trong kế toán quản trị.....  | 46 |
| 2.7.   | Tóm tắt chương .....  | 47 |
|        | <b>CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ</b>   | 48 |
| 3.1.   | Phương pháp xác định chi phí theo công việc .....   | 48 |
| 3.1.1. | Đối tượng áp dụng .....   | 48 |
| 3.1.2. | Tập hợp chi phí sản xuất .....  | 49 |
| 3.1.3. | Quá trình kế toán chi phí vào sổ sách và xử lý số chênh lệch trên tài khoản<br>Chi phí sản xuất chung ..... | 54 |
| 3.1.4. | Ví dụ minh họa .....  | 56 |
| 3.2.   | Phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất .....  | 65 |
| 3.2.1. | Đối tượng áp dụng .....   | 65 |
| 3.2.2. | Tập hợp chi phí sản xuất .....  | 66 |
| 3.2.3. | Xác định sản lượng tương đương .....  | 68 |
| 3.2.4. | Xác định giá thành đơn vị .....   | 71 |
| 3.2.5. | Báo cáo sản xuất .....  | 72 |
| 3.2.6. | Ví dụ minh họa .....  | 73 |
| 3.2.7. | So sánh hai phương pháp trung bình trọng và nhập trước xuất trước   | 78 |
| 3.3.   | Tóm tắt chương .....  | 80 |
|        | <b>CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ SẢN XUẤT</b>   | 81 |
| 4.1.   | Khái niệm, phân loại và tác dụng của chi phí tiêu chuẩn .....   | 81 |
| 4.1.1. | Khái niệm và phân loại chi phí tiêu chuẩn .....   | 81 |

|   |     |
|---|-----|
| 4.1.2. Tác dụng của hệ thống chi phí tiêu chuẩn .....   | 83  |
| 4.2. Xây dựng các định mức chi phí sản xuất .....   | 84  |
| 4.2.1. Nguyên tắc và phương pháp xây dựng các định mức tiêu chuẩn ....                                | 84  |
| 4.2.2. Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....   | 85  |
| 4.2.3. Định mức chi phí nhân công trực tiếp .....   | 85  |
| 4.2.4. Định mức chi phí sản xuất chung .....  | 86  |
| 4.3. Phân tích biến động của các loại chi phí sản xuất .....  | 87  |
| 4.3.1. Mô hình chung .....  | 87  |
| 4.3.2. Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....                                    | 88  |
| 4.3.3. Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp .....  | 89  |
| 4.4. Phân tích biến động của chi phí sản xuất chung .....   | 90  |
| 4.4.1. Kế hoạch linh hoạt .....   | 91  |
| 4.4.2. Phân tích biến động chi phí sản xuất chung khả biến .....                                      | 94  |
| 4.4.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất chung bất biến .....                                      | 97  |
| 4.5. Tóm tắt chương .....   | 101 |
| <b>CHƯƠNG 5. PHÂN BỐ CHI PHÍ CỦA CÁC BỘ PHẬN PHỤC VỤ VÀ PHÂN TÍCH</b>                                 |     |
| <b>BÁO CÁO BỘ PHẬN</b>  |     |
| 5.1. Khái niệm và phân loại .....   | 102 |
| 5.1.1. Khái niệm và phân loại các bộ phận trong một tổ chức .....                                     | 102 |
| 5.1.2. Các khái niệm chi phí và kết quả trong báo cáo bộ phận .....                                   | 103 |
| 5.2. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ .....  | 105 |
| 5.2.1. Sự cần thiết phải phân bổ hợp lý chi phí của các bộ phận phục vụ ...                           | 105 |
| 5.2.2. Các nguyên tắc phân bổ chi phí phục vụ .....   | 105 |
| 5.2.3. Ảnh hưởng của việc phân bổ chi phí phục vụ đến tổng chi phí của các bộ<br>phần chức năng ..... | 114 |
| 5.3. Báo cáo bộ phận .....  | 115 |
| 5.4. Phân tích báo cáo bộ phận theo các phương pháp xác định chi phí .....                            | 118 |
| 5.4.1. Phương pháp xác định chi phí .....   | 118 |
| 5.4.2. Báo cáo bộ phận theo các phương pháp xác định chi phí .....                                    | 120 |
| 5.4.3. Phân tích báo cáo thu nhập bộ phận qua nhiều thời kỳ .....                                     | 123 |
| 5.5. Tóm tắt chương .....   | 130 |
| <b>CHƯƠNG 6. PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ – KHỐI LƯỢNG – LỢI NHUẬN</b>                               |     |
|   | 131 |

|        |  |     |
|--------|--|-----|
| 6.1.   | Một số khái niệm cơ bản .....  | 131 |
| 6.1.1. | Số dư đảm phí .....  | 131 |
| 6.1.2. | Tỷ lệ số dư đảm phí .....  | 133 |
| 6.1.3. | Kết cấu chi phí .....  | 135 |
| 6.1.4. | Đòn bẩy kinh doanh .....   | 137 |
| 6.2.   | Một số ứng dụng khi nghiên cứu mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận .....                | 139 |
| 6.2.1. | Thay đổi chi phí bất biến và sản lượng tiêu thụ .....  | 140 |
| 6.2.2. | Thay đổi chi phí khả biến và sản lượng tiêu thụ .....  | 140 |
| 6.2.3. | Thay đổi chi phí bất biến, giá bán và sản lượng tiêu thụ .....                                   | 141 |
| 6.2.4. | Thay đổi chi phí bất biến, khả biến và sản lượng tiêu thụ .....                                  | 141 |
| 6.2.5. | Thay đổi chi phí bất biến, khả biến, giá bán và sản lượng tiêu thụ ...                           | 142 |
| 6.2.6. | Xác định giá trong những trường hợp đặc biệt .....   | 142 |
| 6.3.   | Phân tích điểm hoà vốn .....   | 143 |
| 6.3.1. | Xác định điểm hoà vốn .....  | 143 |
| 6.3.2. | Đồ thị mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận .....                                   | 144 |
| 6.3.3. | Phân tích lợi nhuận .....  | 148 |
| 6.3.4. | Số dư an toàn .....  | 149 |
| 6.4.   | Phân tích kết cấu mặt hàng và hoà vốn .....  | 150 |
| 6.5.   | Hạn chế của mô hình phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận .....            | 151 |
| 6.6.   | Tóm tắt chương .....   | 153 |
|        | <b>CHƯƠNG 7. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SẢN XUẤT KINH DOANH</b> .....                                     | 154 |
| 7.1.   | Mục đích, yêu cầu và tác dụng của việc lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....           | 154 |
| 7.1.1. | Khái niệm .....  | 154 |
| 7.1.2. | Mục đích của dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....   | 155 |
| 7.1.3. | Yêu cầu của việc lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....                                 | 158 |
| 7.1.4. | Tác dụng của dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....   | 159 |
| 7.2.   | Trình tự lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh và mối quan hệ giữa các dự toán bộ phận ..... | 160 |
| 7.2.1. | Trách nhiệm và trình tự lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....                          | 160 |
| 7.2.2. | Mối quan hệ giữa các dự toán bộ phận .....   | 162 |

|        |  |     |
|--------|--|-----|
| 7.3.   | Lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh .....                                    | 164 |
| 7.3.1. | Dự toán tiêu thụ sản phẩm .....  | 164 |
| 7.3.2. | Dự toán sản xuất .....   | 166 |
| 7.3.3. | Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp .....  | 167 |
| 7.3.4. | Dự toán chi phí nhân công trực tiếp .....  | 170 |
| 7.3.5. | Dự toán chi phí sản xuất chung .....   | 172 |
| 7.3.6. | Dự toán tồn kho thành phẩm cuối kỳ .....   | 174 |
| 7.3.7. | Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....                     | 175 |
| 7.3.8. | Dự toán tiền .....   | 176 |
| 7.3.9. | Dự toán các báo cáo tài chính .....  | 178 |
| 7.4.   | Tóm tắt chương .....   | 182 |
|        | <b>CHƯƠNG 8. CÁC QUYẾT ĐỊNH VỀ GIÁ</b>   | 183 |
| 8.1.   | Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến các quyết định về giá .....                    | 183 |
| 8.1.1. | Vai trò của chi phí trong các quyết định về giá .....                              | 183 |
| 8.1.2. | Đường biểu diễn của tổng doanh thu và tổng chi phí .....                           | 184 |
| 8.2.   | Xác định giá bán của các sản phẩm sản xuất hàng loạt .....                         | 185 |
| 8.2.1. | Phương pháp xác định giá bán .....   | 185 |
| 8.2.2. | Điều chỉnh giá bán trên thị trường .....   | 188 |
| 8.3.   | Xác định giá bán sản phẩm theo thời gian lao động và nguyên vật liệu sử dụng ..... | 189 |
| 8.4.   | Xác định giá bán các sản phẩm mới .....  | 193 |
| 8.4.1. | Thực nghiệm tiếp thị sản phẩm mới .....  | 193 |
| 8.4.2. | Các chiến lược định giá sản phẩm mới .....   | 194 |
| 8.5.   | Định giá trong các trường hợp đặc biệt .....                                       | 195 |
| 8.6.   | Tóm tắt chương .....   | 198 |
|        | <b>CHƯƠNG 9. THÔNG TIN THÍCH HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN</b>               | 199 |
| 9.1.   | Khái niệm và tiêu chuẩn lựa chọn quyết định ngắn hạn .....                         | 199 |
| 9.1.1. | Khái niệm quyết định ngắn hạn .....  | 199 |
| 9.1.2. | Tiêu chuẩn lựa chọn quyết định ngắn hạn .....                                      | 200 |
| 9.2.   | Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn .....                | 201 |
| 9.2.1. | Phân tích thông tin thích hợp .....  | 201 |
| 9.2.2. | Các thông tin không thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn .....                | 201 |
| 9.2.3. | Sự cần thiết phải nhận diện thông tin thích hợp trong việc ra quyết định           |     |

|  |     |
|--|-----|
| ngắn hạn .....   | 205 |
| 9.3.    Ứng dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định ngắn hạn .....                         | 205 |
| 9.3.1. Lựa chọn quyết định nên loại bỏ hay nên tiếp tục kinh doanh một bộ phận .....                 | 206 |
| 9.3.2. Lựa chọn quyết định nên sản xuất hay nên mua ngoài .....                                      | 209 |
| 9.3.3. Lựa chọn quyết định nên bán ngay hay nên sản xuất tiếp tục .....                              | 211 |
| 9.3.4. Lựa chọn quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất có giới hạn .....                       | 213 |
| 9.4.    Tóm tắt chương .....   | 218 |
| <b>CHƯƠNG 10. QUYẾT ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> .....   | 219 |
| 10.1.    Một số vấn đề có liên quan .....  | 219 |
| 10.1.1. Khái niệm vốn đầu tư dài hạn .....   | 219 |
| 10.1.2. Đặc điểm vốn đầu tư dài hạn .....  | 220 |
| 10.1.3. Các loại quyết định vốn đầu tư dài hạn .....   | 221 |
| 10.1.4. Khái niệm giá trị hiện tại và giá trị tương lai của tiền tệ .....                            | 222 |
| 10.2.    Phương pháp hiện giá thuần ( NPV) và ứng dụng trong việc ra quyết định đầu tư dài hạn ..... | 228 |
| 10.2.1. Phương pháp hiện giá thuần .....   | 228 |
| 10.2.2. Ứng dụng phương pháp hiện giá thuần trong việc ra quyết định đầu tư dài hạn .....            | 230 |
| 10.2.3. Hạn chế của phương pháp hiện giá thuần trong việc ra quyết định đầu tư dài hạn .....         | 234 |
| 10.3.    Phương pháp tỷ lệ sinh lời điều chỉnh theo thời gian ( IRR) .....                           | 235 |
| 10.3.1. Khái niệm và nội dung của phương pháp IRR .....  | 235 |
| 10.3.2. Sử dụng phương pháp IRR trong trường hợp dòng thu phát sinh đều đặn hàng năm .....           | 236 |
| 10.3.3. Sử dụng phương pháp IRR trong trường hợp dòng thu phát sinh hàng năm không đều .....         | 238 |
| 10.4.    Các phương pháp khác chọn quyết định đầu tư dài hạn .....                                   | 239 |
| 10.4.1. Phương pháp kỳ hoàn vốn .....  | 239 |
| 10.4.2. Phương pháp tỷ suất sinh lời đơn giản .....  | 242 |
| 10.5.    Tóm tắt chương .....  | 244 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....   | 245 |



## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

#### 1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và đối tượng của kế toán quản trị

##### 1.1.1. Khái niệm và mục đích kế toán quản trị

Các tổ chức trong xã hội dù thuộc nhóm nào cũng đều cần thông tin kế toán để tồn tại, hoạt động và phát triển. Tổ chức doanh nghiệp cần thông tin kế toán để theo dõi chi phí và kết quả kinh doanh trong từng kỳ hạch toán; tổ chức Nhà nước cần thông tin kế toán để đánh giá mức độ cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng; tổ chức phi lợi nhuận cần thông tin kế toán để theo dõi hoạt động của tổ chức, xác định mức độ phục vụ xã hội... Như vậy, đối với bất cứ một tổ chức nào thì thông tin kế toán đều có vai trò quan trọng, không thể thiếu đối với hoạt động của tổ chức đó và chính thông tin kế toán lại có ảnh hưởng quyết định đến mức độ đạt được của các mục tiêu.

Chức năng chính của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế về một tổ chức. Doanh nghiệp là một tổ chức hoạt động với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận nên thông tin kinh tế của doanh nghiệp càng đa dạng và phức tạp hơn các tổ chức khác. Định nghĩa cơ bản về kế toán đã không xem kế toán là một khoa học mà coi nó như là một nghệ thuật xử lý thông tin với nhiệm vụ chủ yếu là thu thập và ghi chép các thông tin mang tính chất lịch sử. Cùng với sự ra đời của bút toán kép và việc sử dụng thước đo tiền tệ thống nhất, con người đã tạo cho thông tin kế toán có thêm nhiều chức năng mới. Thông tin kế toán từ chỗ chỉ mang tính chất sử liệu đã mang tính chất tư vấn và đặc biệt còn trở thành khoa học dự đoán - một khoa học cho phép thu được những quyết định quản lý tối ưu.

Khoản 3 điều 4 của Luật kế toán đã định nghĩa: “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán”.

Kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp như:

- Chi phí của từng bộ phận ( trung tâm chi phí), chi phí của từng công việc, sản phẩm cụ thể.
- Phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận; quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ.
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận.
- Lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn và dài hạn.
- Lập dự toán ngân sách sản xuất kinh doanh ...

Tất cả các thông tin trên đều nhằm phục vụ việc điều hành, kiểm tra và ra quyết định kinh tế của các nhà quản lý doanh nghiệp. Kế toán quản trị là công việc của từng doanh nghiệp, Nhà nước chỉ hướng dẫn các nguyên tắc, cách thức tổ chức và các nội dung, phương pháp kế toán quản trị chủ yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện...

Tóm lại, có thể định nghĩa: Kế toán quản trị là quá trình xác định, đo lường, tổng hợp, phân tích, chuẩn bị, giải thích và chuyển giao thông tin - giúp cho người điều hành kinh doanh đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.

### ***1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán quản trị trong doanh nghiệp***

Nhiệm vụ cơ bản của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho những người ra quyết định ở cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị không bắt buộc phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc kế toán và có thể được thực hiện theo những quy định nội bộ của doanh nghiệp - nhằm tạo lập hệ thống thông tin quản lý thích hợp theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp.

Nhiệm vụ cụ thể của kế toán quản trị trong doanh nghiệp bao gồm:

a, Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo phạm vi, nội dung kế toán quản trị của đơn vị xác định theo từng thời kỳ.

Đối tượng nhận thông tin kế toán quản trị là ban lãnh đạo doanh nghiệp và những người trực tiếp tham gia quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh